

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2020

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
công nợ chung khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lưu Danh Sử.

2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phân chia công nợ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Ng, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 9, xã S, thành phố Đ, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Số 169, phố L Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn Q - Giám đốc Phòng giao dịch
Ng hàng Chính sách xã hội huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (Văn bản ủy quyền
số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện (xin ly hôn) đề ngày 15/6/2020 và các lời khai, đơn xin
xử vắng mặt nguyên đơn chị Tạ Thị Ng trình bày:*

Chị Tạ Thị Ng và anh Lê Văn L xây dựng gia đình với nhau, có Đăng ký kết hôn ngày 20/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Hà, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Từ khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh L không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên ghen tuông vô cớ cho rằng chị Ng có tình cảm với người khác. Do mâu thuẫn giữa vợ và chồng, chị Ng đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 9, xã S, thành phố Đ, tỉnh Ninh Bình sống ly thân với anh L. Lần gần đây nhất là tháng 6/2020 chị đã nộp đơn xin ly hôn anh L nhưng vì thương con nên chị đã quay lại. Thời gian quay lại được 20 ngày chị và anh L lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, chị lại phải về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh L từ đó cho đến nay. Chị Ng xác định tình cảm giữa chị và anh L không còn, mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn L.

Chị Ng và anh L có 02 con chung là cháu Lê Anh Th, sinh ngày 03/6/2014 và cháu Lê Bảo Kh, sinh ngày 12/4/2016. Hiện cháu Th đang sống cùng anh L; cháu Kh đang sinh sống cùng chị Ng. Khi ly hôn, chị Ng đề nghị để chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh; anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th.

Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và công nợ chung.

Ý kiến của bị đơn (anh Lê Văn L): Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng cho anh L, anh L đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết việc chị Ng xin ly hôn, anh L không có ý kiến phản đối, không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại bản khai, đơn đề nghị, đơn xin rút yêu cầu độc lập, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngày 16/9/2020, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị Tạ Thị Ng, anh Lê Văn L phải trả số tiền gốc đã vay là 12.000.000đồng và tiền lãi đến ngày 16/9/2020 là 126.345 đồng. Ngày 30/09/2020, chị Ng, anh L đã thanh toán đủ tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng và Ngân hàng chính sách đã rút yêu cầu độc lập.

Tại đơn xin xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Tạ Thị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng đầy đủ các bước tố tụng và hành vi tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 217, Điều 218; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị Ng. Xử lý hôn giữa chị Tạ Thị Ng và anh Lê Văn L.

Giao cháu Lê Anh Th, sinh ngày 03/6/2014 (hiện nay đang ở với anh L) cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th thành niên, tự lập được cuộc sống. Giao cháu Lê Bảo Kh, sinh ngày 12/4/2016 (hiện nay đang ở với chị Ng) cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh thành niên, tự lập được cuộc sống. Chị Ng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Ng, anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngà hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Chị Tạ Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Tạ Thị Ng khởi kiện anh Lê Văn L cư trú tại: thôn Trung Thanh, xã Sơn Hà, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết việc ly hôn và tranh chấp việc nuôi con; Ngà hàng chính sách xã hội Việt Nam có yêu cầu độc lập đề nghị anh L, chị Ng phải trả nợ. Tòa thụ lý đơn khởi kiện của chị Ng và thụ lý, giải quyết yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Ng):

Chị Tạ Thị Ng và anh Lê Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Sơn Hà, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/6/2015 đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị Ng, anh L sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Ng, anh L là do vợ chồng không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Chị Ng đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Lần gần đây nhất là tháng 6/2020 chị Ng cũng đã nộp đơn xin ly hôn anh L nhưng vì thương con nên chị Ng đã quay lại. Thời gian quay lại được 20 ngày chị và anh L lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, chị lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh L từ đó cho đến nay. Từ đó vợ chồng chị Ng, anh L sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị Ng, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Ng, anh L đã đến điểm trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Ng khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị Ng.

Chị Tạ Thị Ng và anh Lê Văn L có 02 con chung là cháu Lê Anh Th, sinh ngày 03/6/2014 và cháu Lê Bảo Kh, sinh ngày 12/4/2016. Hiện cháu Th đang ở với anh L, cháu Kh đang ở với chị Ng. Xét thấy cả chị Ng, anh L đều có công việc, mức thu nhập ổn định. Bản thân anh L mặc dù không trực tiếp thể hiện ý kiến về phần nuôi con chung nhưng thông qua mẹ đẻ anh L là bà Lê Thị H thấy anh L cũng có nguyện vọng nuôi 1 cháu. Đồng thời chị Ng cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Kh và đồng ý để anh L nuôi dưỡng cháu Th.

Để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định của các cháu, đảm bảo quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chưa thành niên của các bên đương sự khi ly hôn, xét thấy cần giao cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th và chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh phù hợp với thực tế và điều kiện sinh sống hiện tại của hai cháu. Chị Ng và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Xét thấy ngày 10/12/2020, Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội- ông Vũ Văn Q đã có đơn xin rút yêu cầu độc lập với lý do vợ chồng chị Ng, anh L đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị Ng- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điều 217, Điều 218; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị Ng. Xử lý hôn giữa chị Tạ Thị Ng và anh Lê Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Anh Th, sinh ngày 03/6/2014 (hiện nay đang ở với anh L) cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th thành niên, tự lập được cuộc sống. Giao cháu Lê Bảo Kh, sinh ngày 12/4/2016 (hiện nay đang ở với chị Ng) cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh thành niên, tự lập được cuộc sống. Chị Ng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Ng, anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về công nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Ng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000532 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan. Chị Ng đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND xã Sơn Hà;
- Đương sự;
- Lưu./.

(Đã ký)

NGUYỄN ANH TUẤN